

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯ SÊ
TỈNH GIA LAI**

Số: 19/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 24/10/2018

*“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”.*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ SÊ, TỈNH GIA LAI**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Dậu

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đỗ Thị Giang.

2. Bà Phạm Thị Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thanh Hường, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

Ngày 24 tháng 10 năm 2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 123/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1971; Địa chỉ: Tổ dân phố X, thị trấn S, huyện S, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Văn D, sinh năm: 1971; Địa chỉ: Tổ dân phố X, thị trấn S, huyện S, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/8/2018, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn D sau thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau và được sự đồng ý của hai bên gia đình đã tổ chức đám cưới, tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1998 nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi tổ chức đám cưới anh chị sống chung với nhau tại tổ dân phố X, thị trấn X, huyện X, tỉnh Gia Lai. Trong 20 năm chung sống, anh chị ít khi hạnh phúc, chị luôn chịu đựng vì tương lai các con. Nhưng mâu thuẫn giữa anh chị ngày càng lớn, tình cảm giữa anh chị không còn, thực tế chị và anh D không còn sống chung với nhau từ tháng 3 năm 2018 cho đến nay. Do vậy, Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho Chị được ly hôn với anh Trần Văn D.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Trần Thị Phương Th, sinh ngày 19/02/1999 và Trần Thị Thảo V, sinh ngày 22/01/2001. Hiện nay cháu Th

đã thành niên và tự lập được nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết; còn cháu V hiện ở cùng Chị từ khi anh chị không sống chung với nhau. Nguyên vọng của Chị là xin được nuôi cháu Trần Thị Thảo Vân. Chị không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị tự thỏa thuận phân chia nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 16/8/2018, bị đơn anh Trần Văn D trình bày: Anh đồng ý với mọi ý kiến của chị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị H có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai giải quyết việc hôn nhân của chị và anh Trần Văn D; theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai. Bị đơn anh Trần Văn D đã được triệu tập hợp lệ vắng mặt tại phiên tòa và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Nên, căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn D tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1998 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn. Mặc dù việc sống chung là tự nguyện và được hai bên gia đình đồng ý tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán nhưng việc chung sống mà không đăng ký kết hôn của anh chị đã vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Khoản 1 Điều 9 quy định: *“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”*.

Tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *« Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng»*.

Như vậy, do chị H và anh D chung sống với nhau không đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử không thể xử cho chị H ly hôn với anh D mà cần tuyên bố không công nhận anh chị là vợ chồng theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung:

Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn D có 02 (hai) con chung là Trần Thị Phương T, sinh ngày 19/02/1999 và Trần Thị Thảo V, sinh ngày 22/01/2001. Hiện nay cháu Trần Thị Phương T đã thành niên và tự lập được, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét. Đối với cháu Trần Thị Thảo V hiện ở cùng chị H từ khi anh chị không sống chung với nhau, chị H yêu cầu được nuôi cháu V. Xét thấy yêu cầu của chị Nguyễn Thị H là phù hợp với nguyên vọng của cháu V và anh D cũng đồng ý với mọi ý kiến của chị H, không tranh chấp gì. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Trần Thị Thảo V cho

chị Nguyễn Thị H nuôi dưỡng cho đến khi cháu thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình, phù hợp với quy định tại Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Chị H không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con nên miễn xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Vì quyền lợi của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng hoặc việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 84 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

[5]. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn D là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Thị Thảo V, sinh ngày 22/01/2001 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu thành niên hoặc đã thành niên nhưng bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0007561 ngày 07/08/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Chư Sê;
- Chi cục THADS huyện Chư Sê;
- UBND thị trấn S;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Dậu